TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 197/2025/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 122/2025/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh N N T, sinh năm 1985;

CCCD số: 001085052948;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị L T H Th, sinh năm 1989;

CCCD số: 030183005137;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88, Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N N T và chị L T H Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh N N T và chị L T H Th, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh N N T và chị L T H Th có 01 con chung là cháu N N

K, sinh ngày 05/8/2012. Anh T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu K của chị Th đến khi cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về con riêng:

- Xác nhận "Kết quả phân tích ADN huyết thống" ngày 28/8/2025 của Công ty trách nhiệm hữu hạn - Phòng khám đa khoa Medlatec số 11 giữa anh N N T với bé gái N B A do chị L T H Th sinh ngày 16/5/2023 không có quan hệ huyết thống Cha – Con gái.

- Xác nhận cháu N B A, sinh ngày 16/5/2023, số định danh cá nhân: 001323023825 theo Giấy khai sinh số 151/2023 đăng ký ngày 04/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Nội không phải là con chung của anh N N T và chị L T H Th. Cháu N B A là con riêng của chị L T H Th.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh N N T và chị L T H Th về việc không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định ADN giữa anh T và cháu N B A và đề nghị công nhận kết quả phân tích ADN huyết thống.

2.3. Về tài sản chung vợ chồng: Anh T và chị Th thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số: 0005204 ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Trả lại anh T số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hà Thu

Nơi nhận:
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
-UBND xã T, thành phố Hà Nội (GCNKH số 21, quyển số 01/2012 của UBND xã X nay là xã T).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.